

## MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT .....	4
DANH MỤC CÁC BẢNG .....	5
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ .....	6
Chương I.....	7
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	7
1. Tên chủ cơ sở:.....	7
2. Tên cơ sở: .....	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	8
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	8
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:.....	8
Thuyết minh quy trình: .....	9
3.3. Sản phẩm của cơ sở: .....	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	9
4.1 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng .....	9
5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu. ....	10
6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở : .....	10
Chương II.....	12
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	12
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có): .....	12
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có): .....	12
Chương III .....	14
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	14
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có): .14	
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:.....	14
1.2. Thu gom, thoát nước thải:.....	14
1.3. Xử lý nước thải:.....	15

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có): .....	22
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường: .....	24
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	24
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có);.....	25
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: .....	26
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): .....	27
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):.....	27
Chương IV .....	28
<b>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>28</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có): .....	28
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có): .....	29
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có): .....	30
4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có):.....	30
5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):.....	30
Chương V .....	31
<b>KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>31</b>
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải. ....	31
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải. ....	33
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định): .....	34
Chương VI .....	35
<b>CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>35</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: .....	35
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật. ....	35
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ: .....	35
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: .....	35
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở. ....	36
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	36
Chương VII .....	37

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	37
Chương VIII.....	38
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	38
PHỤ LỤC BÁO CÁO .....	39

## **DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

BTNMT	: Bộ tài nguyên môi trường
BOD <sub>5</sub>	: Nhu cầu oxy sinh hóa đo ở 20 <sup>0</sup> C, 5 ngày
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTR	: Chất thải rắn
CTNH	: Chất thải nguy hại
CP	: Cổ phần
NĐ-CP	: Nghị định chính phủ
NGK	: Nước giải khát
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
TSS	: Tổng chất rắn lơ lửng
TT	: Thông tư
UBND	: Ủy ban Nhân dân
XLNT	: Xử lý nước thải
VSV	: Vi sinh vật
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
KPH	: Không phát hiện

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Thống kê nguyên liệu vật liệu sản xuất trong 01 năm.....	9
Bảng 2. Thống kê nhu cầu sử dụng điện nước trong 01 năm .....	10
Bảng 3. Các hạng mục công trình của Cơ sở .....	11
Bảng 4. Thông số kỹ thuật của HTXLNT.....	19
Bảng 5. Danh sách máy móc, thiết bị của HTXLNT .....	20
Bảng 6. Danh mục hóa chất ước tính sử dụng cho xử lý nước thải .....	22
Bảng 7. Tọa độ vị trí xả khí thải.....	23
Bảng 8. Bảng chủng loại chất thải nguy hại .....	25
Bảng 9. Danh mục thông số quan trắc .....	31
Bảng 10. Kết quả quan trắc nước thải năm 2021 .....	31
Bảng 11. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022 .....	32
Bảng 12. Danh mục thông số quan trắc .....	33
Bảng 13. Kết quả quan trắc khí thải .....	33
Bảng 14. Kinh phí quan trắc nước thải, khí thải định kì .....	36

## **DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ**

Hình 1.	Sơ đồ quy trình sản xuất yến lợ/ chai/ lon .....	8
Hình 2.	Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải của Cơ sở .....	14
Hình 3.	Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải .....	16
Hình 4.	Sơ đồ quy trình xử lý khí thải lò hơi .....	23
Hình 5.	Xử lý khí thải bằng phương pháp hấp thụ .....	23

## **Chương I**

### **THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

#### **1. Tên chủ cơ sở:**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

- Địa chỉ văn phòng: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở là bà: Trịnh Thị Hồng Vân

- Điện thoại: 0258.3745.601; Fax: 0258.3745.605

- E-mail: [sanestdk@yensaokhanhhoasanest.com.vn](mailto:sanestdk@yensaokhanhhoasanest.com.vn)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4201624478; Ngày cấp: lần đầu ngày 03/12/2014; thay đổi lần thứ 2, ngày 01/8/2021; Cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa.

#### **2. Tên cơ sở:**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

*(Sau đây gọi tắt là “Cơ sở”)*

- Địa điểm cơ sở: Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

+ Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 01/03/2018 của UBND tỉnh Khánh về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến Sào Khánh Hòa” tại Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Các giấy phép môi trường thành phần:

+ Giấy phép số 51/GP-UBND ngày 08/01/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi cho Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến Sào Khánh Hòa và Giấy phép số 2898/GP-UBND ngày 16/09/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa (Điều chỉnh nội dung).

+ Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 329/GXN-STNMT-CCBVMT ngày 21/01/2022.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở có tổng vốn đầu tư là 230 tỷ đồng, thuộc nhóm B theo theo Khoản 4 Điều 9 của Luật Đầu tư công 2019;

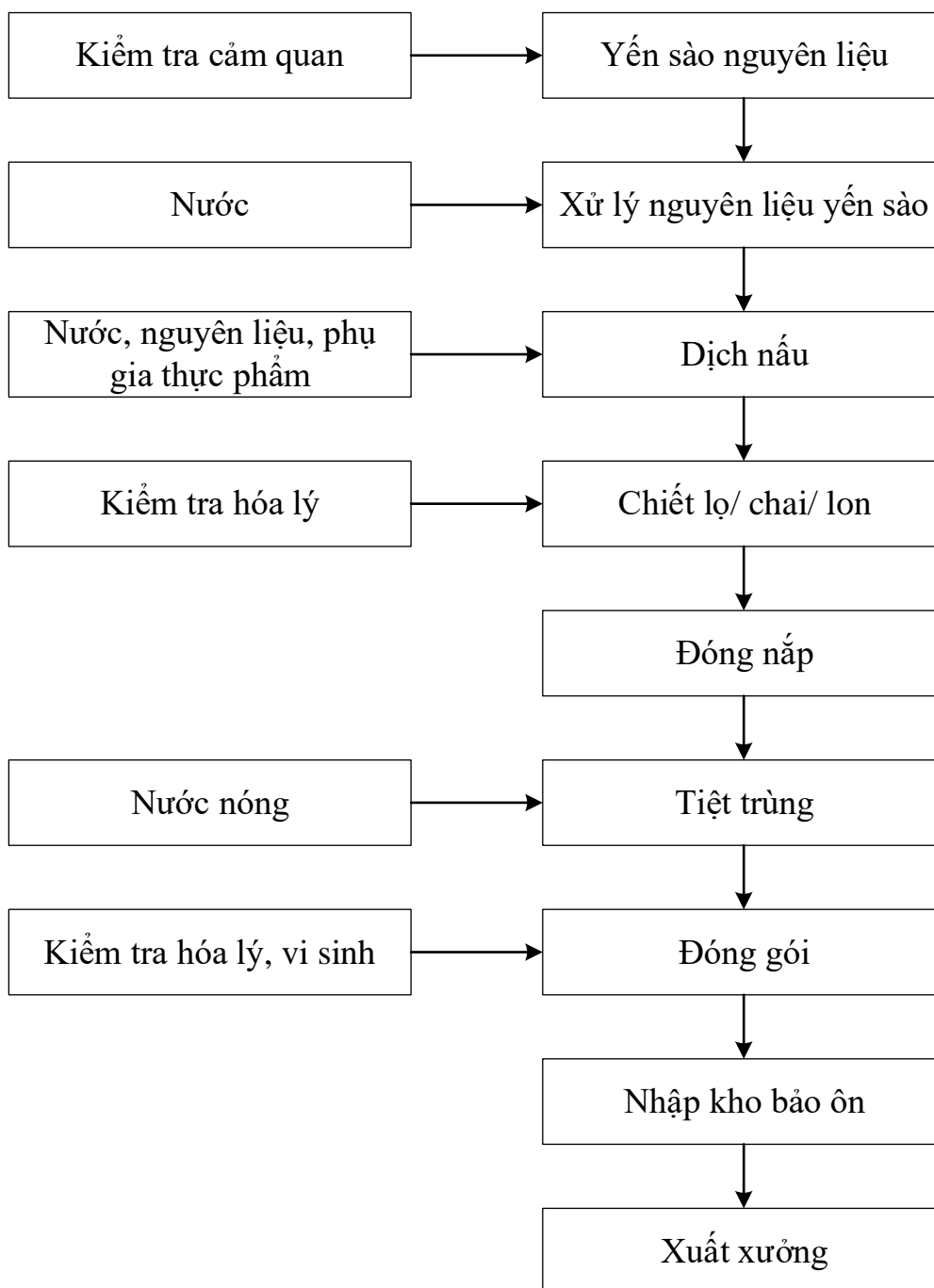
Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Do đó cơ sở thuộc phân loại nhóm II tại Mục số I.2, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Cơ sở đang hoạt động nên Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở được thực hiện theo biểu mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP

### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

#### 3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Công suất thiết kế: 20.000 m<sup>3</sup>/ năm.

#### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:



Hình 1. Sơ đồ quy trình sản xuất yến lọc/ chai/ lon

**Thuyết minh quy trình:**

- **Xử lý nguyên liệu:** Yến sào nguyên liệu sau khi ngâm nước cho trương nở, được nhặt sạch tạp chất, lông chim yến, bụi bẩn.

Yến sào sạch được ngâm vào trong nước ấm, sau đó nhặt sạch những tạp chất quá nhỏ còn sót lại. Cuối cùng tiệt trùng Yến sào ở chế độ 105<sup>0</sup>C trong thời gian 35 phút.

- **Dịch nấu:** Dịch nấu được nấu đến tan hoàn toàn rồi lọc qua thiết bị lọc tinh. Cho yến sào vào khuấy đều. Chuyển qua công đoạn chiết rót.

- **Chiết rót:** Trước khi đưa vào công đoạn chiết rót thì lọ/ chai/ lon được làm sạch hoàn toàn bằng thiết bị rửa lọ/ chai/ lon.

Chiết rót dịch sản phẩm vào lọ dung tích dịch là 70ml, chai là 175ml, lon là 190ml và đóng nắp. Công nhân kiểm tra lần cuối ở cửa ra để đảm bảo lọ được chiết đủ lượng sản phẩm, nắp lọ, lọ không mắc lỗi, không nứt,... để chuyển qua công đoạn tiệt trùng.

- **Tiệt trùng, đóng gói, nhập kho bảo ôn:** Tiệt trùng ở chế độ 115<sup>0</sup>C trong thời gian 50 phút. Sau đó đóng gói và nhập kho bảo ôn từ 03 đến 05 ngày. Trong thời gian này bộ phận Kiểm soát chất lượng sẽ kiểm tra các chỉ tiêu cảm quan, vi sinh và hóa lý. Sau đó bộ phận Kiểm soát chất lượng kiểm tra lại toàn bộ hồ sơ lần cuối để đảm bảo lô hàng hoàn toàn đủ điều kiện xuất xưởng và báo cáo để Ban Giám đốc quyết định.

**3.3. Sản phẩm của cơ sở:**

- Sản phẩm của Cơ sở là Nước yến ( Yến lọ, Yến chai, Yến lon)

**4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:**

**4.1 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng**

**Bảng 1. Thống kê nguyên liệu vật liệu sản xuất trong 01 năm**

Stt	Tên	Đơn vị (/năm)	Nhu cầu sử dụng
1	Yến sào	Kg	4.800
2	Đường phèn	Kg	192.000
3	Đường cát	Kg	1.560.000
4	Hương liệu	Kg	24.000
5	Dầu DO	Kg	619.764

*Nguồn: Công ty CP Nước giải khát Yến Sào Khánh Hòa*

## 4.2 Nguồn cung cấp điện nước và các vật liệu khác

**Bảng 2. Thống kê nhu cầu sử dụng điện nước trong 01 năm**

Stt	Tên	Đơn vị (/năm)	Nhu cầu
1	Điện	Kwh	1.831.000
2	Nước		
	- Nước máy	m <sup>3</sup>	115.000
	- Nước giếng	m <sup>3</sup>	18.000
3	Hóa chất xử lý cấp nước, nước thải, vệ sinh sàn (NaOH, HCL, Oxy già, Formaldehyt, Chlorine, xà phòng)	Kg	16.000

*Nguồn: Công ty CP Nước giải khát Yến Sào Khánh Hòa*

Nhu cầu sử dụng nước trung bình của Cơ sở là từ 400 đến 450 m<sup>3</sup>/ ngày.đêm, thời gian cao điểm là từ tháng 11 đến tháng 01 năm sau.

**Nguồn cung cấp điện:** từ mạng lưới điện quốc gia, lưới điện trung thế 35kV trên đường Quốc lộ 1A qua trạm biến áp 2 nằm phía Tây Nam phân phối cho Cơ sở.

### **Nguồn cung cấp nước:**

- Nước máy của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa sử dụng cho sản xuất;

- Nước giếng khoan phục vụ cho mục đích sinh hoạt, tưới cây, giải nhiệt trong quá trình tiệt trùng sản phẩm.

**5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu.**

Không sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

### **6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở :**

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến Sào Khánh Hòa nằm tại Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Phía Đông giáp quốc lộ 1A.
- Phía Tây giáp Nhà máy chế biến hạt điều
- Phía Nam giáp: Đường đất đi vào khu dân cư phía Tây
- Phía Bắc giáp: Đường đi vào Nhà máy chế biến hạt điều.

Các hạng mục công trình của Cơ sở:

**Bảng 3. Các hạng mục công trình của Cơ sở**

<b>Stt</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>
<b>I</b>	<b>Hạng mục công trình phục vụ sản xuất</b>	
1	Khối văn phòng làm việc	227,6
2	Khu vực xưởng sản xuất	1.200
3	Kho thành phẩm	430
4	Kho bao bì	430
5	Khu nhà lò hơi	158
6	Khối nhà cơ điện	180
7	Nhà bảo vệ	14
<b>II</b>	<b>Hạng mục công trình bảo vệ môi trường</b>	
1	Trạm xử lý nước thải	848
2	Phòng lưu trữ CTNH	4
3	Phòng lưu trữ chất thải sản xuất	10
4	Phòng máy phát điện	7

(Nguồn: Công ty CP Nước giải khát Yến Sào Khánh Hòa)

## Chương II

# SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

### 1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yên Sào Khánh Hòa có địa chỉ tại Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Khu vực này hiện nay chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, không nằm trong nội thành, nội thị của đô thị.

Cơ sở không có xả nước thải và nguồn nước mặt được dùng cho mục đích sinh hoạt; không sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên; không yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất và có yêu cầu di dân, tái định cư.

### 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Nguồn tiếp nhận nước thải từ Công ty Cổ phần Nước giải khát Yên sào Khánh Hòa là tuyến kênh thủy lợi Cầu Đôi, lấy nước từ trạm bơm Cầu Đôi và đập dâng suối Dầu, chức năng chính là cấp nước tưới cho các xã Diên Toàn, Diên An, Suối Hiệp rồi thoát ra sông Tắc. Hiện nay, đoạn phía Bắc dự án đã được hạ ngầm bằng ống BTCT D1.500 (mm). Từ điểm xả nước thải tại dự án ra đến sông Tắc là khá xa (5 km), trên quãng đường vận chuyển nước thải, tuyến cống ngầm này còn tiếp nhận nhiều nước thải từ các đối tượng khác nên không có cơ sở để tính toán khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải này. Hơn nữa, do có tính chất là tuyến kênh mương thủy lợi nên mực nước trong kênh là không ổn định, thường xuyên cạn kiệt. Đánh giá sơ bộ khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận này như sau:

Cơ sở đang xả nước thải sau khi xử lý ra tuyến kênh thủy lợi Cầu Đôi do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa quản lý, tại điểm có tọa độ  $X = 1352028$ ,  $Y = 590356$  theo Giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi số 51/GP-UBND do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 08/01/2019 và Giấy phép xả thải vào hệ thống công trình thủy lợi (Điều chỉnh nội dung) số 2989/GP-UBND ngày 16/09/2019 với lưu lượng xả thải lớn nhất là  $900 \text{ m}^3 / \text{ngày đêm}$ . Giấy phép này có hiệu lực 05 năm, kể từ ngày 08/01/2019 đến ngày 09/01/2024. Sau khi được cấp Giấy phép môi trường, cơ sở vẫn tiếp tục xả thải tại vị trí này.

Lượng nước thải cần phải xử lý trung bình khoảng 400 đến 450 m<sup>3</sup>/ ngày.đêm, chất lượng nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 900 m<sup>3</sup>/ ngày.đêm của Cơ sở trước khi xả thải vào tuyến kênh thủy lợi Cầu Đồi đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, (K<sub>q</sub>=0,9; K<sub>f</sub>=1,1) theo kết quả giám sát nước thải định kỳ trong nhiều năm nay.

### Chương III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Nước mưa phát sinh từ mái nhà xưởng, kho, văn phòng và trong khuôn viên Cơ sở tự chảy vào mương thu nước mưa xung quanh vào hệ thống thoát nước mưa riêng biệt D200 – D300 dẫn thoát ra mương cấp I nằm dọc phía nam của Cơ sở.

Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa đính kèm theo Phụ lục.

#### 1.2. Thu gom, thoát nước thải:

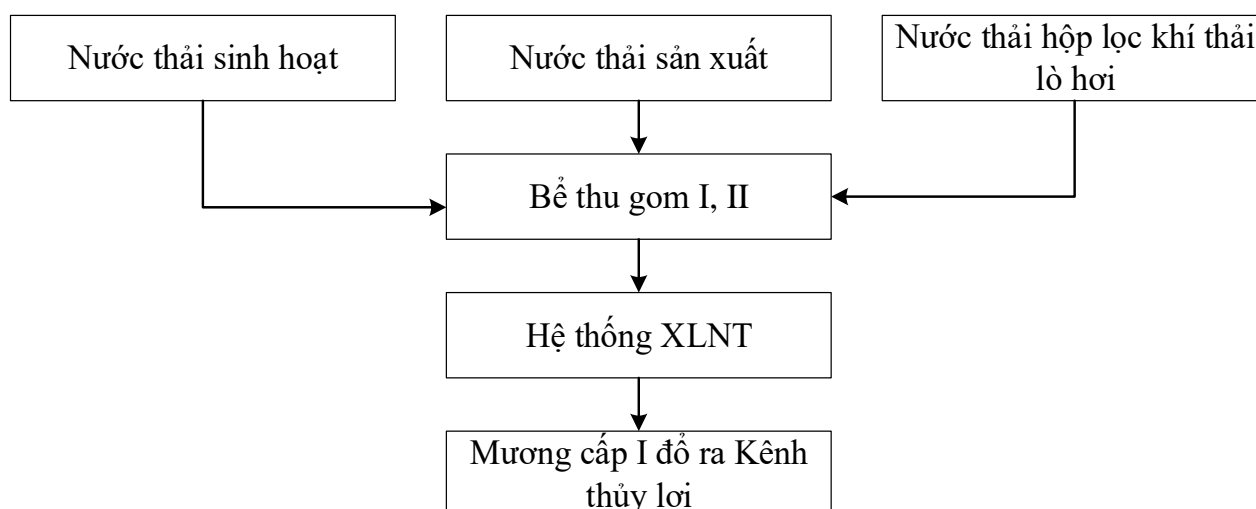
Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động tại Cơ sở gồm 03 loại:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên: Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom.

- Nước thải từ hộp lọc khí thải lò hơi: Nước thải theo đường ống D60 về bể thu gom (được tận dụng từ hệ thống xử lý nước thải cũ) với thể tích 82m<sup>3</sup> gồm 3 ngăn.

- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất thu gom qua đường ống D200 thoát vào bể thu gom.

Nước thải phát sinh của Cơ sở đều được thu gom về bể thu gom sau đó bơm về trạm XLNT công suất 900m<sup>3</sup>/ ngày.đêm để xử lý đạt theo Cột B, QCVN 40: 2011/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ( $K_q=0,9$ ;  $K_f=1,1$ ) trước khi thoát vào đường ống D220 ra mương cấp I dẫn vào hệ thống đường ống chảy ra Kênh thủy lợi, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.



**Hình 2. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải của Cơ sở**

**- Điểm xả nước thải sau xử lý:**

+ Tọa độ vị trí xả nước thải sau xử lý (tọa độ VN 2000, múi chiếu 3<sup>0</sup>, kinh tuyến trực 108<sup>0</sup>15') như sau: X = 1352028; Y = 590356

+ Địa giới hành chính vị trí xả thải: xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống kênh thủy lợi Cầu Đôi do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa quản lý.

+ Địa giới hành chính vị trí tiếp nhận nước thải: xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

**1.3. Xử lý nước thải:**

Cơ sở đã xây dựng, lắp đặt thiết bị hoàn thiện Hệ thống xử lý nước thải công suất 900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm bởi các đơn vị:

- Đơn vị thiết kế: Công ty CP Công nghệ Môi trường Miền Nam

- Đơn vị thi công lắp đặt: Liên danh Vinatech – GR Indtech, đại diện là Công ty Cổ phần Môi trường Vinatech, đã có biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng số 3618/2017/BB-VNT ngày 23/09/2017.

**❖ Các công trình xử lý nước thải của Cơ sở bao gồm:**

- Bể thu gom I, II: Nước thải từ các nguồn như nước thải sinh hoạtjm hộp lọc khí thải lò hơi, nước thải sản xuất được dẫn về bể thu gom I sau khi bơm qua máy lọc rác về bể thu gom II. Bể thu gom có cấu trúc 03 ngăn:

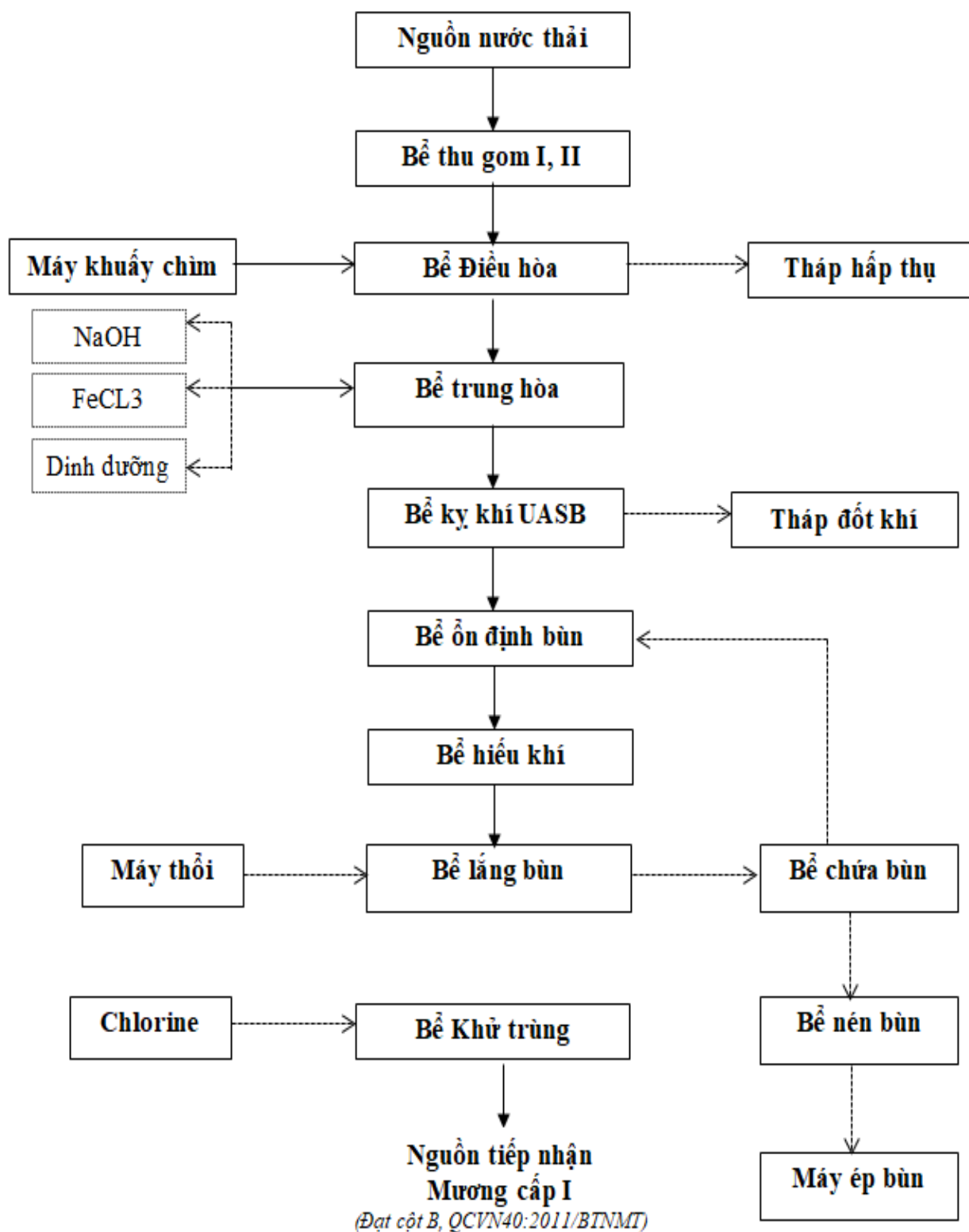
+ Ngăn số 1: Tiếp nhận nước thải chứa hóa chất vệ sinh thiết bị đường ống và chảy tràn vào ngăn 2 sau khi qua thiết bị tách rác có kích thước 2- 5mm. Tại đây có đặt 01 bơm nhúng chìm để bơm lượng nước thải về ngăn số 3

+ Ngăn số 2: Tiếp nhận toàn bộ nước thải của Cơ sở và nước thải vệ sinh đường ống từ ngăn số 3. Sau đó, nước thải được bơm qua máy lọc rác về bể thu gom II bơm về trạm xử lý nước thải vào bể điều hòa tiếp tục xử lý.

+ Ngăn số 03: Tiếp nhận nước vệ sinh thiết bị sản xuất. Tại đây có đặt 02 bơm định lượng để bơm đều nước thia đậm đặc về ngăn số 02.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 900m<sup>3</sup>/ngày.đêm được

- Nước thải của cơ sở bao gồm các thông số chính: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Amoni, Tổng P, Tổng N, Dầu mỡ, Coliform. Vì vậy, Cơ sở lựa chọn công nghệ Công nghệ xử lý sinh học kỵ khí – hiếu khí.



Hình 3. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải

❖ **Thuyết minh quy trình công nghệ:**

**Bể thu gom I, II:**

Nước thải từ các nguồn như nước thải sinh hoạt, hợp lọc khí thải lò hơi, nước thải sản xuất được dẫn về bể thu gom I sau khi bơm qua máy lọc rác về bể thu gom

## II. Bể thu gom có cấu trúc 03 ngăn:

+ Ngăn số 1: Tiếp nhận nước thải chứa hóa chất vệ sinh thiết bị đường ống và chảy tràn vào ngăn 2 sau khi qua thiết bị tách rác có kích thước 2- 5mm. Tại đây có đặt 01 bơm nhúng chìm để bơm lượng nước thải về ngăn số 03.

+ Ngăn số 2: Tiếp nhận toàn bộ nước thải của Cơ sở và nước thải vệ sinh đường ống từ ngăn số 03. Sau đó, nước thải được bơm qua máy lọc rác về bể thu gom II bơm về trạm xử lý nước thải vào bể điều hòa tiếp tục xử lý.

+ Ngăn số 03: Tiếp nhận nước vệ sinh thiết bị sản xuất. Tại đây có đặt 02 bơm định lượng để bơm đều nước thải đậm đặc về ngăn số 02.

### **Bể điều hòa:**

Điều hòa lưu lượng thường được dùng để vượt qua các trở ngại gây ra bởi thay đổi lưu lượng và tải trọng chất ô nhiễm, cải thiện hoạt động và độ ổn định các công trình phía sau, giảm kích thước các công trình đó.

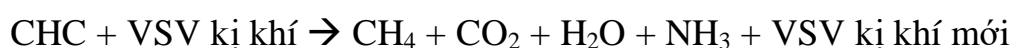
Ưu điểm quan trọng của bể điều hòa là nâng cao quá trình xử lý sinh học do hạn chế và giảm thiểu được sự mất ổn định về tải trọng, pH. Đảm bảo ổn định về lưu lượng và cải thiện quá trình chôn hóa chất ổn định pH

### **Bể trung hòa pH:**

Tại đây NaOH được châm vào để điều chỉnh pH của nước thải về khoảng 7-7,5 nhằm đảm bảo điều kiện tối ưu cho vi sinh vật phát triển tốt. Nước sau khi được trung hòa pH sẽ được bơm lên bể kỵ khí UASB bằng bơm nhúng chìm.

### **Bể kỵ khí UASB:**

Trong bể UASB áp dụng quá trình sinh trưởng sinh học lơ lửng. Nước thải được phân bố đều trong bể bằng hệ thống đường ống phân phối nước và được lắp đặt trong đáy bể. Quần thể vi sinh trong bể UASB có khả năng hấp thụ và phân hủy hữu cơ trong nước thải. Quần thể vi sinh này có thể bao gồm vi khuẩn kỵ khí và tùy tiện, nấm, tảo và các động vật nguyên sinh. Tại bể sinh học kỵ khí, nước thải được phân phối đều từ dưới đáy qua lớp đệm bùn (dạng lơ lửng), khi qua lớp bùn này chất hữu cơ sẽ bị phân hủy bởi các vi sinh vật kỵ khí thành nước và khí biogas bay lên. Bể này thích hợp để xử lý nước thải có nồng độ COD cao và biến động. Bùn hoạt tính (vi sinh vật- vi khuẩn) kỵ khí được xáo trộn đều với nước thải và chuyển hóa ở tốc độ cao nhất các chất hữu cơ (CHC) thành khí methan (CH<sub>4</sub>), nước H<sub>2</sub>O, ammonia (NH<sub>3</sub>).



Áp dụng quá trình kỵ khí phía trước là điều kiện đầu tiên để đạt hiệu quả xử lý phosphat trong nước thải. Ngoài ra, bể này còn có khả năng xử lý một phần độ màu trong nước thải. Nước thải sau khi qua bể sinh học kỵ khí được dẫn sang bể sinh học hiếu khí bùn hoạt tính Tại bể UASB, hóa chất FeCl<sub>3</sub> được châm vào nhằm tạo thành

các loại bùn hạt có mật độ vi sinh cao, góp phần nâng cao hiệu suất xử lý. Nước đầu ra UASB sẽ được dẫn sang bể ổn định bùn – selector.

### **Bể ổn định bùn:**

Bể có nhiệm vụ xử lý các chất hữu cơ trong nước thải, thực hiện quá trình giải phóng phân khí N<sub>2</sub> sau khi được bể hiếu khí chuyển hóa và ổn định khả năng làm việc của bùn hoạt tính. Hạn chế, sự hình thành của vi sinh dạng sợi do môi trường giàu vi sinh và ít thức ăn (chất ô nhiễm hữu cơ) và làm cho quá trình lắng sinh học có hiệu quả cao hơn và hạn chế rủi ro do bùn khó lắng.

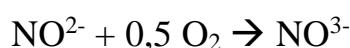
### **Bể sinh học hiếu khí:**

Là nơi diễn ra quá trình phân hủy hợp chất hữu cơ và quá trình Nitrat hóa trong điều kiện cấp khí nhân tạo. Quá trình Nitrate hóa là quá trình oxy các hợp chất Nitơ, đầu tiên là Ammonia thành Nitrite sau đó oxy hóa Nitrate. Quá trình Nitrate hóa ammonia diễn ra theo 2 bước liên quan đến 2 loại vi sinh vật tự dưỡng Nitrosomoas và Nitrobacter.

+ Bước 1: Amonium được chuyển thành nitrite được thực hiện bởi Nitrosomonas:



+ Bước 2: Nitrite được chuyển thành nitrate được thực hiện bởi loại Nitrobacter:



Trong bể sinh học các vi sinh vật (VSV) hiếu khí sử dụng oxy được cung cấp chuyển hóa các chất hữu cơ hòa tan trong nước thải một phần thành vi sinh vật mới, một phần thành khí CO<sub>2</sub> và NH<sub>3</sub> bằng phương trình phản ứng sau:



Dòng nước thải chảy liên tục vào bể sinh học đồng thời không khí cũng được cung cấp liên tục vào bể điều kiện hiếu khí trong bể (oxy hòa tan DO >2mg). Trong điều kiện đó vi sinh vật sinh trưởng và phát triển mạnh tạo thành các màng vi sinh vật có chức năng hấp thụ các chất hữu cơ và màu của nước thải. Hỗn hợp bùn hoạt tính và nước thải gọi là dung dịch xáo trộn, hỗn hợp này chảy đến bể lắng bùn sinh học.

### **Bể lắng bùn sinh học:**

Bể lắng bùn có nhiệm vụ lắng và tách bùn hoạt tính ra khỏi nước thải. Phần nước trong theo máng thu dẫn qua bể khử trùng. Còn bùn sau khi lắng có hàm lượng SS = 7.000 – 8.000 mg/ L, một phần sẽ tuần hoàn trở lại bể sinh học (25-75% lưu lượng) để giữ ổn định mật độ cao vi khuẩn tạo điều kiện phân hủy nhanh chất hữu cơ, đồng thời ổn định nồng độ MLSS = 2.000 – 4.000 mg/l. Độ ẩm bùn hoạt tính dao

động trong khoảng 98,5 – 99,5%. Lưu lượng bùn dư Qw thải ra mỗi ngày, được bơm về bể nén bùn và được ép bằng máy ép bùn, sau đó thải bỏ đúng theo quy định.

### **Bể khử trùng:**

Đối với các hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải sau khi được xử lý sinh học các chỉ tiêu hóa lý đạt các tiêu chuẩn xả thải QCVN 40:2011/BTNMT. Tuy nhiên không loại trừ khả năng tồn tại một số loại vi khuẩn gây bệnh nào đó. Vì vậy, trước khi xả thải ra môi trường, nước thải được đưa đến bể khử trùng. Chlorine, hóa chất khử trùng thông dụng trong xử lý nước được đề xuất để tiêu diệt các loại vi khuẩn trong dòng nước ra trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

### **Xử lý bùn:**

Quá trình xử lý sinh học sẽ làm gia tăng liên tục lượng bùn vi sinh trong bể sinh học. Đồng thời lượng bùn ban đầu sau thời gian sinh trưởng phát triển sẽ giảm khả năng xử lý chất ô nhiễm trong nước thải và chết đi. Lượng bùn này còn gọi là bùn dư và được đưa về bể nén bùn.

Tại bể nén bùn, sau một thời gian nén cố định để gia tăng nồng độ và cô đặc, bùn sẽ được đưa vào máy ép bùn để tiến hành tách nước làm giảm độ ẩm và thể tích của bùn để thuận tiện cho quá trình xử lý bùn. Bùn khô sau khi ép tách nước được thu gom – vận chuyển đi xử lý đúng nơi quy định hoặc phối trộn làm phân bón cho cây trồng.

Nước dư phát sinh từ bể nén bùn và máy ép bùn được đưa về bể điều hòa.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) rồi dẫn thoát vào mương cấp I nằm dọc phía Nam cơ sở.

### **❖ Thông số kỹ thuật và danh sách máy móc thiết bị của HTXLNT:**

**Bảng 4. Thông số kỹ thuật của HTXLNT**

Stt	Hạng mục công trình	Thông số kỹ thuật		
		Dài x Rộng x Cao (m)	SL (bể)	Thể tích (m <sup>3</sup> )
1	Bể thu gom I	5,4 x 4 x 3,5	1	75,6
2	Bể thu gom II	4,5+5,5 x 22+5 x 4	1	506
3	Bể điều hòa	21,6+18,3 x 13,45+8,95 x 4	1	1.132
4	Bể trung hòa	10,7 x 2,6 x 4	1	111,28
5	Bể UASB	10,1 x 10,55 x 7,5	2	1.598

Stt	Hạng mục công trình	Thông số kỹ thuật		
		Dài x Rộng x Cao (m)	SL (bể)	Thể tích (m <sup>3</sup> )
6	Bể ổn định bùn	11,15 x 3 x 5	2	167,25
7	Bể hiếu khí	18 x 10,55 x 5	1	949,5
8	Bể lắng	8,4 x 8,4 x 5	1	352,8
9	Bể khử trùng	4,1 x 1,4 x 2,5	1	14,35
10	Bể chứa bùn	2,45 x 4,5 x 5	1	55,125
11	Bể nén bùn	4 x 4 x 4	1	64

Nguồn: Công ty CP Nước giải khát Yến Sào Khánh Hòa

Danh mục các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải đều sản xuất năm 2017 và được thống kê như bảng sau:

**Bảng 5. Danh sách máy móc, thiết bị của HTXLNT**

Stt	Tên máy móc/ thiết bị	Số lượng (cái)
<b>I</b>	<b>BỂ thu gom I</b>	
1	Bơm nước thải, công suất 2,4 Kw/h	2
2	Bơm nước thải, công suất 1,4 Kw/h	1
3	Thiết bị tách rác, công suất 0,37 Kw/h	1
<b>II</b>	<b>BỂ thu gom II</b>	
1	Bơm nước thải, công suất 3,6 Kw/h	2
2	Bơm nước thải, công suất 1,4 Kw/h	1
3	Bơm định lượng hóa chất, công suất 0,25 Kw/h	1
4	Thiết bị tách rác, công suất 0,37 Kw/h	2
<b>III</b>	<b>BỂ điều hòa</b>	
1	Bơm nước thải, công suất 3,1 Kw/h	2
2	Bơm khuấy chìm, công suất 5,5 Kw/h	2
3	Bơm định lượng hóa chất, công suất 0,25 Kw/h	1
4	Motor khuấy hóa chất, công suất 0,75 Kw/h	1

<b>Stt</b>	<b>Tên máy móc/ thiết bị</b>	<b>Số lượng (cái)</b>
5	Hệ xử lý mùi, công suất 0,75 Kw/h	1
<b>IV</b>	<b>BỂ trung hòa</b>	
1	Bơm nước thải, công suất 3,1 Kw/h	1
2	Motor khuấy, công suất 0,75 Kw/h	1
3	Bơm định lượng hóa chất, công suất 0,25 Kw/h	2
4	Motor khuấy hóa chất, công suất 0,75 Kw/h	2
<b>V</b>	<b>BỂ sinh học kỵ khí - UASB</b>	
1	Hệ đốt khí gas, công suất 0,37 Kw/h	1
<b>VI</b>	<b>BỂ ổn định bùn - Selector</b>	
1	Bơm nước thải, công suất 3,1 Kw/h	2
2	Motor khuấy, công suất 0,75 Kw/h	2
<b>VII</b>	<b>BỂ sinh học hiếu khí - Aerotank</b>	
1	Máy thổi khí, công suất 30 Kw/h	3
<b>VIII</b>	<b>BỂ lắng 1 – lắng bùn sinh học</b>	
1	Motor + bộ giảm tốc gạt bùn, công suất 0,75 Kw/h	1
<b>IX</b>	<b>BỂ khử trùng</b>	
1	Bơm định lượng hóa chất, công suất 0,25 Kw/h	1
2	Motor khuấy hóa chất, công suất 0,75 Kw/h	1
<b>X</b>	<b>BỂ chứa bùn sinh học</b>	
1	Bơm bùn tuần hoàn và bùn dư, công suất 2,4 Kw/h	2
<b>XI</b>	<b>BỂ nén bùn</b>	
1	Motor + bộ giảm tốc gạt bùn, công suất 0,37 Kw/h	1
2	Bơm bùn vào máy ép bùn, công suất 1,1 Kw/h	1
<b>XII</b>	<b>Bộ ép bùn</b>	
1	Máy ép bùn, công suất 0,37 Kw/h	1
2	Bơm định lượng hóa chất, công suất 0,25 Kw/h	1

Stt	Tên máy móc/ thiết bị	Số lượng (cái)
3	Máy khuấy trộn Polymer, công suất 0,75 Kw/h	1
4	Bơm rửa băng tải, công suất 0,9 Kw/h	1
5	Máy nén khí, công suất 2,2 Kw/h	1

Nguồn: Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa

❖ **Hóa chất sử dụng trong xử lý nước thải:**

**Bảng 6. Danh mục hóa chất ước tính sử dụng cho xử lý nước thải**

Stt	Tên	Đơn vị	Khối lượng
1	NaOH	Kg/ ngày	315
2	Dinh dưỡng U-rê hoặc NPK	Kg/ ngày	45
3	Polymer	Kg/ ngày	4
4	Clorine	Kg/ ngày	4,5

Nguồn: Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa

**2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:**

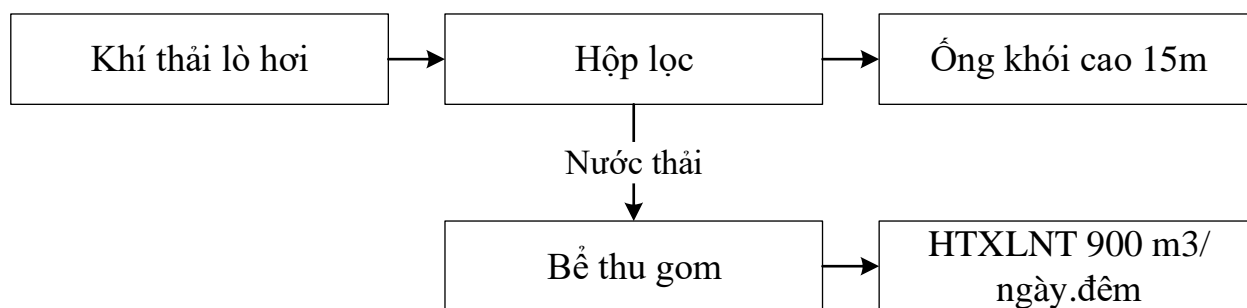
Cơ sở đã lắp đặt 02 hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt bằng dầu DO đã được xác nhận tại Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 329/GXN-STNMT-CCBVMТ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa ngày 21/01/2022, trong đó:

-Lò hơi số 1 công suất 4 tấn hơi/ giờ: Đã lắp đặt vào đi vào hoạt động từ năm 2017 đã được UBND tỉnh xác nhận tại Đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 599/QĐ-UBND ngày 01/03/2018.

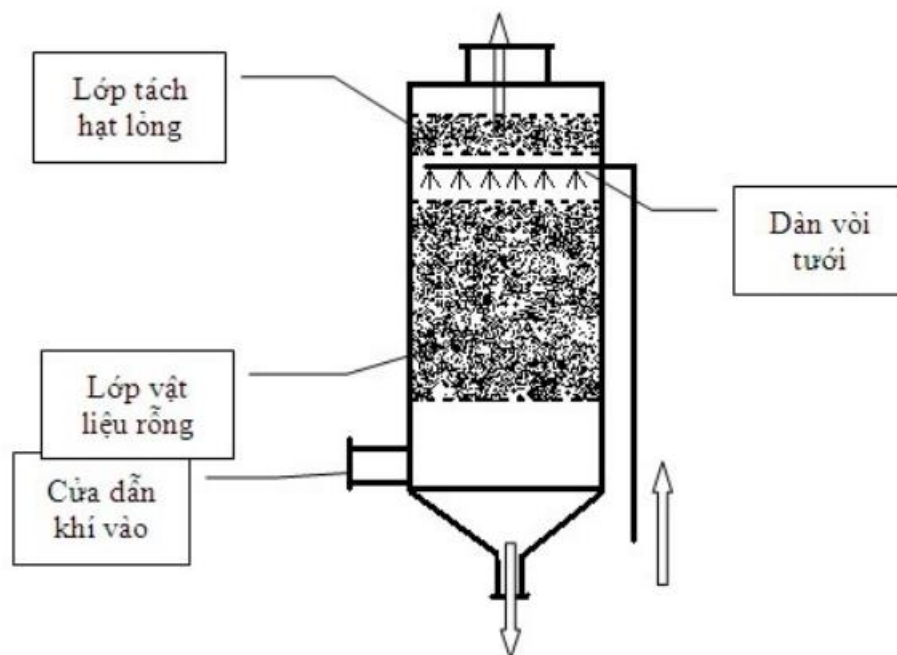
-Lò hơi số 2 công suất 4 tấn hơi/ giờ: Đã lắp đặt, nghiệm thu hoàn thành lắp đặt và đưa vào sử dụng tại biên bản số 06/YSKH-VT/BB/2020 ngày 22/08/2020, đơn vị cung cấp là Công ty TNHH Công nghiệp Vĩnh Thành. Đã hoàn thành vận hành thử nghiệm được xác nhận tại Công văn số 4811/STNMT-CCBVMТ ngày 16/11/2021 về việc thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm hạng mục công trình hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 4 tấn/ giờ thuộc Công ty Cổ phần Nước Giải khát Yến sào Khánh Hòa.

Công nghệ xử lý: xử lý khí thải lò hơi bằng phương pháp hấp thụ.

Quy trình xử lý khí thải lò hơi như sau:



**Hình 4. Sơ đồ quy trình xử lý khí thải lò hơi**



**Hình 5. Xử lý khí thải bằng phương pháp hấp thụ**

Khí thải lò hơi được xử lý qua hộp lọc. Tại đây, các phân tử chất ô nhiễm thể khí trong khối khí thải khếch tán vào bề mặt dung dịch hấp thụ (nước). Sau đó, khí thải thoát ra ống khói cao 15m. Nước thải từ hộp lọc theo đường ống thoát về bể thu gom trước khi về trạm xử lý nước thải tập trung 900 m<sup>3</sup>/ngày.

**- Điểm xả khí thải sau xử lý:**

+ Tọa độ vị trí xả khí thải sau xử lý (tọa độ VN 2000, múi chiều 3<sup>0</sup>, kinh tuyến trục 108<sup>0</sup>15') như sau:

**Bảng 7. Tọa độ vị trí xả khí thải**

Điểm xả	X (m)	Y (m)
Vị trí xả khí thải của lò hơi số 1	1351979	590540
Vị trí xả khí thải của lò hơi số 2	1355682	599132

+ Địa giới hành chính vị trí xả thải: xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

### **3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:**

#### **3.1. Chất thải rắn sinh hoạt**

- Khối lượng phát sinh khoảng 150-250 kg/ tháng.

- Thiết bị lưu chứa và thông số kỹ thuật:

+ Tại văn phòng, nhà điều hành Xưởng: bố trí 2 thùng rác 50 lít có bọc ni lông để thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt.

+ Khu tập trung chứa chất thải rắn sinh hoạt: diện tích 3m<sup>2</sup> nằm gần trạm cân.

Hàng ngày, nhân viên vệ sinh mang rác thải sinh hoạt về khu tập trung rác và Công ty TNHH Môi trường đô thị Diên Khánh thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định với tần suất 1 lần/ ngày ( từ thứ hai đến thứ 7 hàng tuần). Hiện tại, Công ty đang ký hợp đồng thu gom rác thải với Công ty TNHH Môi trường Đô Thị huyện Diên Khánh theo Hợp đồng thu dọn rác ngày 28/12/2021 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022.

#### **3.2. Chất thải rắn công nghiệp**

- Khối lượng phát sinh khoảng 850 – 1.500 kg/ tháng, thành phần chủ yếu là lông yến, vỏ lon, chai, thùng carton, bao bì,...

- Khu vực lưu chứa: Cuối mỗi ca sản xuất rác thải được thu gom về khu tập trung chứa chất thải sản xuất có diện tích 4m<sup>2</sup>, nằm gần trạm cân phía Tây nam Công ty.

Chất thải rắn sản xuất sau khi lưu giữ thì định kỳ bán phế liệu theo hợp đồng ngày 05/01/2021 về việc mua bán phế liệu giữa Công ty CP NGK Yến Sào Khánh Hòa và Công ty TNHH Ngân Kỳ.

#### **3.3. Bùn thải**

Bùn thải phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải của Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến Sào Khánh Hòa đã được Sở Tài nguyên và môi trường Khánh Hòa xác nhận là chất thải rắn công nghiệp thông thường theo công văn số 3209/STNMT – CCBVMT ngày 17/07/2019. Vì vậy, bùn thải sau khi nén khô sẽ hợp đồng với đơn vị thu gom vận chuyển xử lý theo quy định chất thải rắn công nghiệp thông thường, Cơ sở đã hợp đồng Công ty Cổ phần Môi trường Khánh Hòa theo hợp đồng số 33/22/HĐKT/MTKH ngày 06/01/2022 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp.

### **4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:**

Chủng loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình 01 năm tại Cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 8. Bảng chủng loại chất thải nguy hại**

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	Bao bì hóa chất các loại	18 01 01	45	
2	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	10	
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	50	
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	200	
5	Pin, ắc quy thải, các thiết bị linh kiện điện tử hoặc thiết bị điện thải	16 01 13	20	
	<b>Tổng số lượng</b>		<b>325 kg</b>	

- Thiết bị lưu chứa: Số lượng 05 thùng chứa có nắp đậy dung tích 100 lít/ thùng để chứa các loại chất thải nguy hại. Thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

- Kho lưu chứa: diện tích 12 m<sup>2</sup> nằm phía Tây, gần nhà tạp vụ khu trạm xử lý nước thải, có mái che, có thùng chứa từng loại, có dán nhãn, có biển cảnh báo, các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Cơ sở đã hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật là Công ty Cổ phần Môi trường Khánh Hòa theo hợp đồng số 33/22/HĐKT/MTKH ngày 06/01/2022 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

#### **5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có).**

Không có.

**6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:**

Giai đoạn của cơ sở	Loại sự cố có thể xảy ra	Biện pháp ứng phó
1	2	3
Vận hành	Sự cố môi trường trạm xử lý nước thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lượng nước thải phát sinh hiện tại của Cơ sở từ 300 – 500 m<sup>3</sup>/ ngày. Khi có sự cố xảy ra, hệ thống XLNT không hoạt động thì lượng nước thải phát sinh của Cơ sở có thể lưu chứa tạm thời được từ 2 đến 3 ngày tại bể thu gom I, II và bể điều hòa với tổng dung tích 1.714 m<sup>3</sup>.</li> <li>- Xây dựng phòng thí nghiệm tại Trạm XLNT nhằm thí nghiệm sơ bộ phát hiện kịp thời sớm nhất để có biện pháp khắc phục kịp thời</li> <li>- Lắp đặt dự phòng các thiết bị động lực dễ bị hư hỏng do nguồn điện và chế độ vận hành ( các loại bơm chìm, bơm định lượng, máy thổi khí, máy nén khí).</li> <li>- Bố trí nhân viên giám sát trạm nhằm bảo đảm Trạm xử lý luôn trong trạng thái hoạt động ổn định.</li> </ul>
Vận hành	Sự cố cháy nổ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí hệ thống đường giao thông nội bộ đảm bảo xe chữa cháy có thể đến tất cả các hạng mục công trình của Cơ sở khi cần thiết .</li> <li>- Hệ thống cấp nước cho công tác chữa cháy: 1 bể nước ngầm 30m<sup>3</sup>, đài chứa nước 10m<sup>3</sup> luôn được chứa đầy nước, có hệ thống ống dẫn nước tới các vị trí quan trọng để cấm ống nước hòa.</li> <li>- Lập bảng niêm yết nội quy, tiêu lệnh chữa cháy, biển cấm lửa.</li> <li>- Trang bị 50 bình chữa cháy các loại.</li> <li>- Tập huấn cho công nhân công tác PCCC và lập đội PCCC trong Cơ sở luôn ở trạng thái thường trực.</li> <li>- Kiểm tra, bảo dưỡng, duy tu máy móc theo kế hoạch định kì.</li> <li>- Lập bảng cấm, cảnh báo khu vực có thể gây cháy.</li> </ul>

Giai đoạn của cơ sở	Loại sự cố có thể xảy ra	Biện pháp ứng phó
1	2	3
		- Tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân tuân thủ đúng nội quy không để xảy ra sự cố.

**7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):**

Cơ sở không có các công trình bảo vệ môi trường khác.

**8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:**

Các nội dung thay đổi của Cơ sở so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết:

**Bảng 9. Bảng các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết**

Tên hạng mục/ nội dung thay đổi	Theo Đề án BVMT chi tiết đã được phê duyệt	Điều chỉnh, thay đổi
Hạng mục công trình xử lý khí thải lò hơi (Đã được xác nhận tại Giấy xác nhận số 329/GXN-STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa ngày 21/01/2022)	02 lò hơi gồm: 01 lò hơi công suất 01 tấn hơi/ giờ và 01 lò hơi công suất 04 tấn hơi/ giờ	Thay thế 01 lò hơi công suất 01 tấn hơi/ giờ thành lò hơi công suất 04 tấn hơi/ giờ → Cơ sở có 02 lò hơi với công suất mỗi lò là 04 tấn hơi/ giờ
Chất thải nguy hại	- Chủng loại phát sinh: 04 loại bao gồm Bóng đèn huỳnh quang thải; Giẻ lau dầu; các loại dầu thải; Hộp mực in date. - Khối lượng phát sinh: 110 kg / năm	- Chủng loại phát sinh: 05 loại bao gồm: Bao bì hóa chất; Hộp mực in thải; Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; Thiết bị linh kiện điện tử - Khối lượng phát sinh: 325 kg/năm.

## Chương IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:
  - + Nguồn số 01: Nước thải từ quá trình sản xuất;
  - + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên;
  - + Nguồn số 03: Nước thải từ hộp lọc khí thải lò hơi.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép: 490 m<sup>3</sup>/ ngày.đêm
- Dòng nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở được thu gom và xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 900 m<sup>3</sup>/ ngày.đêm, chất lượng nước sau xử lý đạt Cột B, QCVN 40: 2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (K<sub>q</sub>=0,9; K<sub>f</sub>=1,1) sau đó xả vào Kênh thủy lợi Cầu Đôi, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN40:2011/BTNMT, cột B (K <sub>q</sub> =0,9; K <sub>f</sub> =1,1)
1	pH	-	5,5 đến 9
2	TSS	mg/l	99
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	49,5
4	COD	mg/l	148,5
5	Nitơ tổng	mg/l	39,6
6	Phospho tổng số	mg/l	5,94
7	Clo dư	mg/l	1,98
8	As	mg/l	0,099
9	Cd	mg/l	0,099
10	Pb	mg/l	0,495
11	Hg	mg/l	0,0099
12	Coliform	vi khuẩn/100ml	5.000
13	Dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9

- Quy chuẩn so sánh: QCVN40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (K<sub>q</sub>=0,9; K<sub>f</sub>=1,1).

- Vị trí xả nước thải có tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}15'$ , múi chiều  $3^0$  như sau:  $X = 1352028$ ,  $Y = 590356$ ;

- Phương thức xả nước thải: tự chảy

- Nguồn tiếp nhận: Hệ thống kênh thủy lợi Cầu Đồi do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa quản lý tại xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

## 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 01: Khí thải từ lò hơi số 1 công suất 4 tấn hơi/ giờ.

+ Nguồn số 02: Khí thải từ lò hơi số 2 công suất 4 tấn hơi/ giờ.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa:

+ Hệ thống xử lý khí thải (nguồn số 1):  $5.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

+ Hệ thống xử lý khí thải (nguồn số 2):  $5.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

- Dòng khí thải: số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép là 02 (một) dòng. Khí thải từ 02 lò hơi của Cơ sở sau khi được xử lý sẽ được thải ra ngoài môi trường bằng ống khói cao 15m.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN19:2009/BTNMT, cột B (Kp = 1, Kv = 1)
1	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp = 1, Kv = 1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ.

- Vị trí xả khí thải: Tại miệng ống khói cao 15m có vị trí tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}15'$ , múi chiều  $3^0$  như sau:

Điểm xả	X (m)	Y (m)
Vị trí xả khí thải của lò hơi số 1	1351979	590540
Vị trí xả khí thải của lò hơi số 2	1355682	599132

- Phương thức xả thải: Xả liên tục qua quạt hút khí khi hoạt động.

- Nguồn nước tiếp nhận: Môi trường không khí tại Khuôn viên của Công ty Cổ phần Nước giải khát Yên sào Khánh Hòa.

**3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):**

Không có.

**4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có):**

Không có.

**5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):**

Không có.

**Chương V**  
**KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.**

**a. Thời gian quan trắc nước thải:**

- Thời gian thực hiện quan trắc qua các năm: 2021 và 2022

**b. Danh mục thông số quan trắc**

**Bảng 10. Danh mục thông số quan trắc**

Stt	Thành phần môi trường quan trắc	Quy chuẩn so sánh
<b>I</b>	<b>Nước thải sau xử lý</b>	
1	pH, TSS, COD, BOD5, Clo dư, Tổng P, Tổng N, Dầu mỡ khoáng, Tổng coliform, As, Pb, Hg, Cd	Cột B, QCVN40:2011/BTNMT

**c. Kết quả quan trắc nước thải**

**Bảng 11. Kết quả quan trắc nước thải năm 2021**

Stt	Thông số quan trắc	Kết quả quan trắc nước thải				Giá trị QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
		Q1/2021 (310321/04-NT)	Q2/2021 (100621/04-NT)	Q3/2021 (011021/02-NT)	Q4/2021 (081221/01-NT)	
1	pH	8,3	8,1	8,5	8,3	<b>5,5 -9</b>
2	TSS	<12	<12	KPH	12	<b>100</b>
3	BOD <sub>5</sub>	13	10	6	7	<b>50</b>
4	COD	134	27	13	19	<b>150</b>
5	Clo dư	<0,7	<0,7	<0,7	<0,7	<b>2</b>
6	Tổng N	19,8	15,47	<9	11,2	<b>40</b>
7	Tổng P	2,76	1,92	0,85	1,43	<b>6</b>
8	As	KPH	KPH	KPH	KPH	<b>0,1</b>
9	Pb	KPH	KPH	KPH	KPH	<b>0,5</b>
10	Hg	KPH	KPH	KPH	KPH	<b>0,01</b>
11	Cd	KPH	KPH	KPH	KPH	<b>0,1</b>

Stt	Thông số quan trắc	Kết quả quan trắc nước thải				Giá trị QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
		Q1/2021 (310321/04-NT)	Q2/2021 (100621/04-NT)	Q3/2021 (011021/02-NT)	Q4/2021 (081221/01-NT)	
12	Dầu mỡ khoáng	KPH	KPH	KPH	KPH	10
13	Coliform	KPH	KPH	KPH	KPH	5.000

Nguồn: Công ty CP Tư vấn môi trường Sài Gòn năm 2021

**Bảng 12. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022**

Stt	Thông số quan trắc	Kết quả quan trắc nước thải			Giá trị QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
		Q1/2022 (120222/11-NT)	Q2/2022 (230522/03-NT)	Q3/2022 (090922/01-NT)	
1	pH	7,9	8,5	7,5	5,5 - 9
2	TSS	KPH	<15,6	16	100
3	BOD <sub>5</sub>	8	13	11	50
4	COD	21	41	36	150
5	Clo dư	<0,7	0,75	0,84	2
6	Tổng N	9,61	9,70	10,4	40
7	Tổng P	0,71	1,02	1,36	6
8	As	KPH	KPH	KPH	0,1
9	Pb	KPH	KPH	KPH	0,5
10	Hg	KPH	KPH	KPH	0,01
11	Cd	KPH	KPH	KPH	0,1
12	Dầu mỡ khoáng	KPH	KPH	KPH	10
13	Coliform	KPH	45	31	5.000

Nguồn: Công ty CP Tư vấn môi trường Sài Gòn năm 2022

**Nhận xét:** Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý của Công ty Cổ phần Nước giải khát Yên Sào Khánh Hòa đều đạt QCVN 40:2011/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

## 2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.

### a. Thời gian quan trắc khí thải

- Thời gian thực hiện quan trắc qua các năm: 2021, 2022

### b. Danh mục thông số quan trắc

**Bảng 13. Danh mục thông số quan trắc**

Stt	Thành phần môi trường quan trắc	Quy chuẩn so sánh
<b>I</b>	<b>Khí thải</b>	
1	Bụi tổng, CO, SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub>	Cột B, QCVN 19:2019/BTNMT
2	Tiếng Òn	QCVN 26:2010/BTNMT

### c. Kết quả quan trắc Khí thải

**Bảng 14. Kết quả quan trắc khí thải**

Stt	KH điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Thời điểm quan trắc	Thông số				
				Tiếng ồn	Bụi tổng	CO	SO <sub>2</sub>	NO <sub>x</sub>
				dBA	mg/Nm <sup>3</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>
1	KT1	310321/04-KT1	Q1/2021	65,2	37,7	59,3	0	72,3
2	KT2	310321/04-KT2	Q1/2021	67,5	49,5	85,5	0,87	99,2
3	KT1	100621/04-KT1	Q2/2021	68,7	26,4	0	18,3	102,9
4	KT2	100621/04-KT2	Q2/2021	69,9	32,7	1,1	10,5	70,9
5	KT1	011021/02-KT1	Q3/2021	65,1	21,6	3,4	38,2	84,9
6	KT2	011021/02-KT2	Q3/2021	67,3	35,5	8,0	23,6	92,2
7	KT1	081221/01-KT1	Q4/2021	65,2	22,3	0	14,4	16,0
8	KT2	081221/01-KT2	Q4/2021	68,6	29,6	2,3	7,7	8,6
9	KT1	120222/11-KT1	Q1/2022	41,2	17,7	1,1	0	16,7
10	KT2	120222/11-KT2	Q1/2022	49,6	22,2	2,3	0	17,8
11	KT1	230522/03-KT1	Q2/2022	68,6	27,1	1,1	21,5	19,7
12	KT2	230522/03-KT2	Q2/2022	69,1	34,6	3,7	10,3	13,5
13	KT1	090922/01-KT1	Q3/2022	60,2	23,3	59,3	0	51,7

Stt	KH điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Thời điểm quan trắc	Thông số				
				Tiếng ồn	Bụi tổng	CO	SO <sub>2</sub>	NO <sub>x</sub>
				dBA	mg/Nm <sup>3</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>
14	KT2	090922/01-KT2	Q3/2022	64,4	29,1	21,7	2,6	24,2
<b>Giá trị QCVN 26:2010/BTNMT</b>				<b>&lt; 70</b>				
<b>Giá trị QCVN 19:2019/BTNMT (B)</b>					<b>200</b>	<b>1.000</b>	<b>500</b>	<b>850</b>

Nguồn: Công ty CP Tư vấn môi trường Sài Gòn năm 2021, 2022

### **3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định):**

Cơ sở đã thực hiện quan trắc chất thải theo chương trình quan trắc trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt tại Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 01/03/2018 của UBND tỉnh Khánh về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến Sào Khánh Hòa” tại Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

## **Chương VI**

### **CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

#### **1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:**

Cơ sở có 02 công trình xử lý chất thải đã được xác nhận Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 329/GXN-STNMT-CCBVMT ngày 21/01/2022 và hiện nay vẫn đang hoạt động ổn định nên Cơ sở không vận hành thử nghiệm lại các công trình xử lý chất thải của Cơ sở, bao gồm.

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm: chất lượng nước thải sau xử lý đạt Cột B, QCVN 40: 2011/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ( $K_q=0,9$ ;  $K_f=1,1$ ).

- 02 công trình hệ thống xử lý khí thải của 02 lò hơi công suất với công suất mỗi lò là 4 tấn/ giờ, chất lượng khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ( $K_q=1$ ,  $K_v=1$ ).

#### **2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.**

##### **2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:**

###### **a. Đối với nước thải:**

+ Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD<sub>5</sub>, Clo dư, Tổng P, Tổng N, Dầu mỡ khoáng, Tổng coliform, As, Pb, Hg, Cd.

+ Tần suất: 03 tháng/ 01 lần

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí tại đầu ra của Hệ thống XLNT công suất 900m<sup>3</sup>/ ngày.đêm

+ Quy chuẩn so sánh: Cột B, QCVN 40: 2011/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ( $K_q=0,9$ ;  $K_f=1,1$ ).

###### **b. Đối với khí thải:**

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

##### **2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:**

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc môi trường tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 và Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

**2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.**

Chủ cơ sở không đề xuất thêm hoạt động quan trắc môi trường tại cơ sở.

**3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.**

Chủ cơ sở sẽ dành một khoản kinh phí cho công tác thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm.

Kinh phí giám sát được thể hiện theo bảng sau:

**Bảng 15. Kinh phí quan trắc nước thải, khí thải định kì**

Stt	Nội dung quan trắc	Số lượng (mẫu/ lần)	Tần suất lấy mẫu	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Nước thải	01	04	2.500.000	10.000.000
2	Công lấy mẫu, đi lại, báo cáo	01	04	2.500.000	10.000.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>20.000.000</b>

## **Chương VII**

### **KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo:

Ngày 13/05/2021, Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 390/QĐ-STNMT ngày 11/05/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra công trình xử lý chất thải đã hoàn thành để vận hành thử nghiệm của hạng mục công trình hệ thống xử lý khí thải lò hơi với công suất thiết kế 4 tấn/ giờ thuộc Công ty CP NGK Yên Sào Khánh Hòa tại Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa; với kết quả xác nhận Cơ sở đã lắp đặt hoàn thành hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất thiết kế 4 tấn/ giờ.

*(Đính kèm Biên bản kiểm tra công trình xử lý chất thải đã hoàn thành để vận hành thử nghiệm ngày 13/05/2021 của Sở TNMT theo Phụ lục đính kèm)*

## **Chương VIII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yên Sào Khánh Hòa cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yên Sào Khánh Hòa cam kết thực hiện các quy định trong quá trình hoạt động như sau:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể:

+ Nước thải: Đảm bảo nước thải sau xử lý đạt Cột B, QCVN 40: 2011/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ( $K_q=0,9$ ;  $K_f=1,1$ ), cam kết vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải.

+ Khí thải: xử lý khí thải lò hơi đạt Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Chất thải rắn:

✓ Cam kết thu gom, phân loại tại nguồn đối với chất thải rắn phát sinh khi dự án đi vào hoạt động

✓ Cam kết thu hồi, tái chế đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế;

✓ Cam kết thu gom, lưu trữ và vận chuyển đến nơi xử lý đúng theo quy định đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không có khả năng tái chế;

✓ Cam kết việc quản lý chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại tuân thủ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Cam kết đảm bảo kinh phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường; cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các rủi ro, sự cố môi trường xảy ra do hoạt động sản xuất của Cơ sở gây nên.

- Cam kết định kỳ gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm trước ngày 05 tháng 01 về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra.

## PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;
- Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường;
- Biên bản kiểm tra công trình xử lý chất thải đã hoàn thành để vận hành thử nghiệm;
- Giấy phép xả thải kèm giấy giấy phép điều chỉnh;
- Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết và quyết định điều chỉnh;
- Công văn xác nhận bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải là chất thải rắn công nghiệp thông thường;
- Các hợp đồng kinh tế thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở năm 2021, 2022.
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải;
- Các chứng chỉ, chứng nhận của các thiết bị xử lý nước thải;
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải